

Bản án số: 08/2026/KDTM-PT

Ngày: 22/4/2026

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hành và bà Dương Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Huyền Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2026/TLPT-KDTM ngày 02/02/2026 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”*. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 18/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐ-PT ngày 17/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐ-PT ngày 06/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P.

Địa chỉ: Số H đường H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Khắc N - Chức vụ: Tổng Giám đốc. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn N1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2026). *(Có mặt)*

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X.

Địa chỉ: Thôn C, phường T, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N2. Địa chỉ: số I đường T, phường C, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền ngày 04/8/2024).

(Đều có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3.

Địa chỉ: Số H đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Thị H1 – Chức vụ: Giám đốc. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt trong toàn bộ vụ án)*

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/4/2020 Công ty TNHH P (sau đây gọi là Công ty P) cùng với Công ty TNHH một thành viên X (sau đây gọi là Công ty X) đã ký kết Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN về việc cung cấp đất sét. Sau khi ký kết Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN cùng ngày 23/4/2020 Công ty P đã thực hiện tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty X để thực hiện hợp đồng, tuy nhiên sau đó Công ty X không thực hiện việc bán đất sét cho Công ty P như đã cam kết theo hợp đồng.

Ngày 25/01/2022 Công ty P đã có Công văn số 21/CV-PĐ gửi cho Công ty X đề nghị thanh toán số tiền tạm ứng và thanh lý hợp đồng cho Công ty P nhưng không nhận được phản hồi của Công ty X và ngày 20/11/2023 Công ty P đã có gửi Công văn số 207/CV-PĐ gửi Công ty X về phạt hợp đồng và thu hồi tiền tạm ứng cho Công ty P nhưng Công ty X vẫn không có phản hồi lại. Căn cứ Điều 7 của Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020 thì Công ty X đã không thực hiện cung cấp đất sét và hoàn trả 50.000.000 đồng tiền tạm ứng cho Công ty P là vi phạm hợp đồng.

Do đó, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X hoàn trả số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng theo Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020 và đền bù do vi phạm chậm thực hiện hợp đồng là 12% giá trị hợp đồng với số tiền 3.750.000.000 đồng x 12% = 450.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về phạt vi phạm hợp đồng là 12% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm 3.750.000.000 đồng x 12% = 450.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P yêu cầu Tòa án buộc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X hoàn trả số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng theo Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X trình bày:

Việc thực hiện Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020 ký kết giữa Công ty X với Công ty P do ông Hồ Văn N3 ký kết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Hồ Văn N3 chết, do đó phía Công ty X không tìm thấy hồ sơ lưu trữ tại công ty. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng này, phía Công ty X đã thuê bên thứ ba vận chuyển đó là Công ty TNHH MTV T1. Ngày 06/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2025/QĐST-KDTM giữa Công ty X và Công ty TNHH MTV T1, quyết định có nêu “Công ty TNHH H4 và X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền còn lại là 707.694.800 đồng” đây là tiền công vận chuyển đất để giao cho Công ty P.

Nay Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X hoàn trả số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng theo Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020 thì Công ty X không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H3 trình bày:

Công ty TNHH H3 và Công ty X có ký kết hợp đồng mua bán số 2404/HĐKT ngày 24/4/2020 ,về việc cung cấp đất đến Nhà máy G. Liên quan đến hợp đồng này đã được Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử và ban hành Bản án số 09/2023/KDTM-ST, ngày 28/9/2023. Tất cả hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc mua bán, nhập đất đã có trong hồ sơ vụ án nêu trên. Kính đề nghị Q tòa sao lục lại trong hồ sơ vụ án trên. Liên quan đến tranh chấp hợp đồng giữa Công ty P và Công ty X thì Công ty TNHH H3 không có ý kiến gì và cũng không liên quan.

Người làm chứng bà Trần Thị Minh H2 - Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên T1 trình bày:

Ngày 22/4/2020, Công ty TNHH MTV T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) có ký kết Hợp đồng số 2204/2020/HĐKT/HP-TN với Công ty TNHH MTV X. Theo nội dung hợp đồng đã ký kết thì Công ty T1 vận chuyển đất gạch của Công ty X từ Khu Công nghiệp V (T) đến Nhà máy G tại xã N từ ngày ký hợp đồng.

Công ty T1 đã vận chuyển đất gạch theo Hợp đồng nói trên kể từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 29/5/2020 tổng cộng là 1252 tờ Phiếu nhập đất sét. Mỗi lần vận chuyển đất gạch đến nhà máy G thì lái xe của Công ty T1 được thủ kho Công ty P giao 01 Phiếu nhập đất sét ghi lại biên kiểm soát của xe vận chuyển, ngày, tháng, năm giao đất và thủ kho nhận đất ký tên vào phiếu. Các phiếu nhập đất sét này được Công ty T1 lưu giữ để làm chứng từ thanh toán với Công ty X.

Vào ngày 17/8/2023 Công ty X đã nhận các phiếu nhập đất sét của Công ty T1 để Công ty X khởi kiện Công ty H3 (có biên bản bàn giao ngày 17/08/2023). Ngày 06/5/2025 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2025/QĐST-KDTM giữa Công ty X và Công ty T1, quyết định “Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 số tiền còn lại là 707.694.800 đồng”. Còn nội dung ký kết hợp đồng giữa Công ty P với Công ty X như thế nào thì Công ty T1 không rõ.

Bản án sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 18/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P đối với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X về việc hoàn trả số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng theo Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P về việc buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X đền bù do vi phạm chậm thực hiện hợp đồng là 12% giá trị hợp đồng với số tiền 3.750.000.000 đồng x 12% = 450.000.000 đồng theo Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN, ngày 23/4/2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn P có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/12/2025, bị đơn Công ty TNHH một thành viên X kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 18/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi.

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không hoà giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện VKSND tỉnh Quảng Ngãi căn cứ các Điều 293; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề

ngợi HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 18/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi.

Về án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty X được thực hiện trong thời hạn luật định và đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được HĐXX xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty H3 có đơn xin vắng mặt trong tất cả các phiên toà, do đó Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty X thấy rằng:

[2.1] Về việc giao kết hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán đất sét số 2304/HĐKT/PĐ-TN ngày 23/4/2020 giữa Công ty P và Công ty X, các chủ thể tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại các Điều 116, 117, 119, 385, 398, 405, 405 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng mua bán được xác định là hợp pháp, có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đều thừa nhận Công ty X có tạm ứng của Công ty P số tiền 50.000.000 đồng theo quy định của khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng số 2304/HĐKT/PĐ-TN ngày 23/4/2020 (Theo uỷ nhiệm chi ngày 23/4/2020 qua ngân hàng C chi nhánh Q1).

Tuy nhiên, từ sau khi ký kết hợp đồng và tạm ứng tiền, Công ty X không thực hiện nghĩa vụ giao hàng, xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Đại diện theo uỷ quyền của Công ty X cho rằng, sau khi ký kết hợp đồng giữa Công ty X với Công ty P, công ty X đã thực hiện nghĩa vụ, đã cung cấp đất sét cho nguyên đơn như thỏa thuận và cung cấp 52 mẫu phiếu nhập đất sét bản phô tô (không có chứng thực) ngày 08/5/2020 có nội dung Công ty P nhập đất

sét của Công ty X. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đối chiếu 52 mẫu phiếu nhập đất sét do bị đơn cung cấp với tài liệu chứng cứ là bản gốc trong hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại được giải quyết bằng bản án số 09/2023/KDTM-ST, ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (đã có hiệu lực pháp luật) là hoàn toàn trùng khớp. Thấy rằng, 52 mẫu phiếu nhập đất sét này là tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thực hiện hợp đồng giữa Công ty X và Công ty H3 trong vụ án năm 2023, chứ không phải bán đất sét cho Công ty P theo hợp đồng số 2304/HĐKT/PD-TN. Ngoài ra, Công ty X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh cho việc thực hiện hợp đồng đối với Công ty P.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty P đối với Công ty X về việc yêu cầu Công ty X trả lại số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng là có căn cứ, được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự và các Điều 24; Điều 34; Điều 35; Điều 50 Luật Thương mại.

[2.2] Ngoài ra, Công ty P cũng yêu cầu Công ty X phải chịu tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 12% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm với số tiền 3.750.000.000 đồng x 12% = 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút phần yêu cầu này, do đó cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

[2.3] Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 18/11/2025 vì lý do bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, HĐXX xét thấy:

Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và có nhận định cụ thể về quan hệ pháp lý, tư cách tham gia tố tụng của Công ty H3 trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định Công ty H3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp, bởi Công ty H3 có liên quan đến tài liệu, chứng cứ là bản gốc trong vụ án Công ty X kiện Công ty H3 đã được giải quyết bằng Bản án số 09/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật, do đó không thuộc đối tượng xem xét lại trong vụ án này.

Công ty H3 và Công ty X ký kết hợp đồng mua bán số 2404/HĐLT ngày 24/4/2020, về việc cung cấp đất đến Nhà máy G đã giải quyết bằng Bản án số 09/2023/KDTM-ST. Còn Công ty P với Công ty X ký hợp đồng số 2304/HĐKT/PD-TN là hoàn toàn độc lập về quyền và nghĩa vụ nên việc ông Trần Khắc N – Giám đốc công ty P và bà Trần Thị Kim T – Giám đốc Công ty H3 có mối quan hệ như thế nào không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của

các bên.

Đối với việc Công ty H3 không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký không làm thay đổi bản chất quan hệ tranh chấp trong vụ án này. Công ty H3 cũng đã có văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án (trong đơn trình bày ý kiến Công ty H3 vẫn để địa chỉ tại số H đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi và không cung cấp địa chỉ nào khác) do đó, Toà án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Đơn kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Một thành viên X. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 18/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

2. Về án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X đã nộp theo biên lai số 0003043 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND; Phòng THADS KV1- Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Phò